

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày tháng 5 năm 2025 của Sở Xây dựng Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Văn phòng Sở (GTGT)	Văn phòng Sở XD
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí	16.106.914	16.106.914		13.883.750	2.223.164
1.1	Lệ phí	5.942.360	5.942.360		5.717.360	225.000
1.2	Phí	10.164.554	10.164.554		8.166.390	1.998.164
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	8.053.629	8.053.629	0	6.273.265	1.780.364
1	Chi sự nghiệp	0	0			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0			
b	Kinh phí nhiệm vụ không T/xuyên	0	0			
2	Chi quản lý hành chính	8.053.629	8.053.629		6.273.265	1.780.364
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.053.629	8.053.629		6.273.265	1.780.364
b	Kinh phí không T/hiện C/độ tự chủ	0	0		0	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	8.053.286	8.053.286		7.610.485	442.801
1.1	Lệ phí	5.942.360	5.942.360		5.717.360	225.000
1.2	Phí	2.110.926	2.110.926		1.893.125	217.801
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	0	0			
I	Nguồn ngân sách nhà nước	200.424.604	200.424.604	0	191.006.974	9.417.629
1	Chi quản lý hành chính	200.424.604	200.424.604		191.006.974	9.417.629
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14.372.700	14.372.700		6.869.700	7.503.000
1.2	Kinh phí không T/hiện C/độ tự chủ	186.051.904	186.051.904		184.137.274	1.914.629
3	Chi hoạt động kinh tế					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

tháng 5 năm 2025 của Sở Xây dựng Quảng Ngãi.

Đơn vị tính: ngàn đồng

[illegible]